

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 8 - 2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Dung

2. Ông Đinh Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977

Nơi thường trú: Tổ dân phố C, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên;

(Có mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1979

Nơi thường trú: Tổ dân phố C, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn anh **Nguyễn Văn T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **H** được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **Đ**, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào ngày 14 tháng 3 năm 2000. Anh chị có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại tổ dân phố **C**, phường **B**, thành phố **P**, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó trong cuộc sống vợ chồng anh **T** và chị **H** phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh chị đã cho nhau cơ hội để hàn gắn hạnh phúc nhưng thất bại. Hiện chị **H** đã đi Đài Loan làm việc. Do khoảng cách địa lý nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng lớn, đã sống ly thân. Nay anh **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh có nguyện vọng được ly hôn với chị **Nguyễn Thị H** để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 2002 và **Nguyễn Hoàng D**, sinh ngày 07/5/2012, hiện nay đang ở với anh **T**. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu **Nguyễn Văn H1** và cháu **Nguyễn Hoàng D** do chị **H** đang ở Đài Loan. Khi chị **H** trở về Việt Nam cháu **D** ở với ai tôi đều đồng ý.

Về cấp dưỡng: Anh **T** không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh **T** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện thân nhân trong nước của chị **Nguyễn Thu H** là chị **Nguyễn Thùy T2** (là em gái ruột của chị **H**); có địa chỉ tại: Thôn **I**, xã **P**, huyện **Đ**, tỉnh Thái Nguyên, xác định: Sau khi gia đình nhận các văn bản của Tòa án, chị **T2** xác định chị **H** biết việc anh **T** có đơn yêu cầu xin ly hôn với chị **H**, chị **H** nhất trí ly hôn với anh **Nguyễn Văn T**, đồng ý với ý kiến của anh **T** trình bày trong đơn khởi kiện, xác định chị và anh **T** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **Đ**, tỉnh Thái Nguyên. Anh chị có 02 con chung là **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 2002 và **Nguyễn Hoàng D**, sinh ngày 07/5/2012. Hai con chung ở với ông bà nội từ nhỏ tới nay. Còn về tài sản chung, nợ chung của anh **T**, chị **H** thì chị **T2** không nắm được nên chị không biết. Năm 2022, chị **H** trở về Việt Nam ở khoảng 20 ngày, chị **T2** không nhớ thời điểm cụ thể. Hiện nay do chị **H** đang làm việc ở nước ngoài (Đài Loan) nên không thể đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để làm việc được nên chị **H** thông qua thân nhân ở Việt Nam đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị tại phiên toà giải quyết vụ án này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và những người tham gia tố tụng:

- Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của BLTTDS: Tiếp nhận đơn, thông báo nộp tạm ứng án phí, thông báo thụ lý vụ án và tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định của BLTTDS.

- Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật

Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

- Đủ điều kiện đưa ra xét xử theo trình tự tố tụng dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ các Điều 28, 37, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T, cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thu H. Về con chung: Cháu Nguyễn Văn H1, sinh năm 2002 đã trưởng thành. Giao con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 07/5/2012 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H do anh T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không giải quyết. Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn và chị Nguyễn Thu H là bị đơn có địa chỉ thường trú tại Tổ dân phố C, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Tại Công văn số 1284/QLNXC(Đ1) ngày 11/4/2024 của Phòng Q, Công an tỉnh T xác định công dân Nguyễn Thu H, sinh ngày 08/11/1979 có thông tin xuất cảnh gần nhất ngày 04/10/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh Việt Nam. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của chị H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị H là chị Nguyễn Thùy T2 (em gái ruột của chị H), có đủ căn cứ xác định chị H vẫn liên hệ với chị nhưng chị cũng không cung cấp được địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở

nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Việc kết hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thu H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Anh T khai: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại tổ dân phố C, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó trong cuộc sống vợ chồng anh T và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh chị đã cho nhau cơ hội để hàn gắn hạnh phúc nhưng thất bại. Hiện chị H đã đi Đài Loan làm việc. Do khoảng cách địa lý nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng lớn, đã sống ly thân. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh có nguyện vọng được ly hôn với chị Nguyễn Thị H để ổn định cuộc sống.

Phía bị đơn chị H, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân của chị H là chị Nguyễn Thùy T2 (là em gái ruột của chị H), chị cũng xác định chị đã được biết Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh T. Về quan hệ hôn nhân chị H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, hiện không còn liên lạc, chị H nhất trí ly hôn với anh T. Năm 2022 chị H và anh T có đơn xin ly hôn, có xác nhận của chị H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, cả hai không có tiếng nói chung, nhất trí ly hôn với anh T. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa anh T và chị H đã không còn tình cảm vợ chồng, cũng không còn quan tâm và thương yêu nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, anh chị đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T, cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp với thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh năm 2002 và Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 07/5/2012, hiện nay đang ở với anh T. Tại đơn xin ly hôn của anh T và chị H viết năm 2022, chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Hoàng D, cháu Nguyễn Văn H1 ở với anh T. Tại phiên tòa, anh T có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Văn H1 và cháu Nguyễn Hoàng D do chị H đang ở nước ngoài. Tuy nhiên hiện nay chị H đang ở Đài Loan, để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, cần tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 07/5/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn, cũng như quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời

điểm xét xử vụ án thì cháu **Nguyễn Văn H1** đã đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: **Anh T** và chị **H** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: **Anh T** phải chịu 300.000đ đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hướng giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[5]. Thông báo quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điều 28, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 228, Điều 273; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84; 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh **Nguyễn Văn T**. Anh **Nguyễn Văn T** được ly hôn với chị **Nguyễn Thu H**.

2.2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Nguyễn Hoàng D**, sinh ngày 07/5/2012 cho anh **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Cháu **Nguyễn Văn H1** đã đủ 18 tuổi. Chị **Nguyễn Thu H** có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị **H** do anh **T** không yêu cầu.

2.4. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh **Nguyễn Văn T** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số theo biên lai thu tiền số 0000180 ngày 20/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Anh **Nguyễn Văn T** được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ tuyên án; chị **Nguyễn Thu H** được quyền kháng cáo trong hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Ích Yên

